

Bản án số: **126/2023/HC-PT**

Ngày 09 – 3 – 2023

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 901/2022/TLPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 66/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 231/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn B, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, *(vắng mặt)*;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (theo Giấy ủy quyền ngày 03/3/2023): Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 137, đường T, Khu phố 1, Phường 5, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, *(có mặt)*.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Trần Ngọc Tam – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, *(xin vắng mặt)*;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Hùng Cường – Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai - Đo đạc bản đồ và viễn thám, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã T: Ông Phạm Hoàng Long – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, (xin vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Lê Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện ông Lê Văn B và người đại diện theo ủy quyền của ông B là bà Trịnh Thị Hoàng Yến trình bày:*

Vào năm 1992, cha ông B là ông Lê Văn Hiến (chết năm 2015) và mẹ ông B là bà Đặng Thị Âu đã tự khai phá và sử dụng phần đất tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, tổng diện tích đất khai phá khoảng 2.129,1m². Vào năm 1995, cha mẹ ông B giao cho ông quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất này, ông đã đăng ký bản đồ địa chính, quản lý và sử dụng cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo trích lục bản đồ địa chính thì phần đất này có số thửa, tờ bản đồ cụ thể sau: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 20, có diện tích 1.049,7m²; thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20, có diện tích 470,9m²; thửa đất số 207, tờ bản đồ số 20, có diện tích 608,5m², hiện nay do ông B kê khai, đăng ký.

Bên cạnh đó, cha mẹ ông B còn được nhận từ ông bà phần đất có diện tích 8.067,5m². Năm 1995, cha mẹ ông cũng đã giao phần đất này cho ông quản lý, sử dụng đến năm 2019 thì ông được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B cấp giấy chứng nhận các thửa đất số 236, 202 cùng tờ bản đồ số 20, tổng diện tích được cấp là 1.973,5m²; đến năm 2020, ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận thửa đất số 285, tờ bản đồ số 20, có diện tích 6.094m². Phần đất này có liên kề với các thửa đất số 203, 207, 42 cùng tờ bản đồ số 20, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Năm 2020, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 236, 202, 285 cùng tờ bản đồ số 20 thì ông phát hiện diện tích đất ông được cấp thiếu so với diện tích đất mà ông đang quản lý, sử dụng cũng như kê khai trích lục bản đồ địa chính, cụ thể là các thửa đất số 203, 207, 42 cùng tờ

bản đồ số 20, với diện tích là 2.129,1m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, vào tháng 5/2021, ông làm đơn gửi UBND xã T để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các thửa đất số 203, 207, 42 cùng tờ bản đồ số 20. Nhưng, vào ngày 17/6/2021, UBND xã T có Công văn số 299/UBND về việc trả lời đơn liên quan đến thủ tục hành chính về đai đai, có nội dung:

+ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20 là đất công của UBND xã T quản lý được UBND tỉnh Bến Tre giao đất theo Quyết định số 3085/QĐ- UBND ngày 24/11/2020.

+ Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 20 do ông Nguyễn Văn Tuấn quản lý, sử dụng và cất nhà ở từ năm 2009 đến nay.

+ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 20, có nguồn gốc do Nhà nước quản lý.

Ông B không đồng ý với Quyết định giao đất số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre vì:

+ Đối tượng giao đất không đúng vì thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20, có nguồn gốc là do cha mẹ ông khai phá từ năm 1992, đến năm 1995 ông là người kê khai đăng ký bản đồ địa chính và quản lý sử dụng; vào năm 1999, ông Phan Văn Lương (chủ đất giáp ranh) đã có tranh chấp thửa đất này nhưng đã tự thỏa thuận giải quyết xong, UBND xã T cũng không có ý kiến gì và chưa từng quản lý, sử dụng đối với thửa đất này.

+ Trình tự thủ tục giao đất không đúng vì thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20, gia đình ông chưa từng hiến đất cho Nhà nước cũng như chưa nhận được quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền trong khi ông B là người kê khai, đăng ký và sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp.

Vì vậy, Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre giao thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 470,9m² cho UBND xã T là giao đất không đúng đối tượng cũng như không đúng về trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Ông Lê Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre.

- *Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có Văn bản số 575/UBND-NC ngày 22/9/2021 trình bày:*

Việc UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc giao đất cho UBND xã T (huyện B, tỉnh Bến Tre) để quản

lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định đối với diện tích 13.330,8m² đất thuộc 04 thửa đất tại xã T (trong đó có diện tích 470,9m² đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20 tại xã T, huyện B) là phù hợp theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và theo đề nghị của Giám đốc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Về nguồn gốc phần diện tích 470,9m² đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20 tại xã T, huyện B là một đoạn rạch Mương cầu, sau năm 1997, đoạn rạch Mương cầu này được bồi lấp và người dân ở địa phương sử dụng làm đường đi (phần diện tích đất này do UBND xã T quản lý).

Như vậy, việc UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc giao đất cho UBND xã T quản lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định đối với diện tích 13.330,8m² đất thuộc 04 thửa đất tại xã T (trong đó có thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 470,9m² tại xã T, huyện B) là phù hợp theo quy định. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND xã T trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của UBND tỉnh Bến Tre; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 66/2022/HC-ST ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định: Không chấp nhận khởi kiện của ông Lê Văn B yêu cầu hủy Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho UBND xã T quản lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, xem xét thẩm định tại chỗ, quyết định án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/9/2022, người khởi kiện ông Lê Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Lê Văn B, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh T tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khởi kiện của ông Lê Văn B yêu cầu hủy Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020

của UBND tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho UBND xã T quản lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND tỉnh Bến Tre trình bày: UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc giao đất cho UBND xã T quản lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, có căn cứ và đúng quy định pháp luật về đất đai. Kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn B là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn B:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định không chấp nhận khởi kiện của ông Lê Văn B yêu cầu hủy Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho UBND xã T quản lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện ông Lê Văn B kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn B nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND tỉnh Bến Tre và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, như sau:

[1] *Về việc tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ tụng Hành chính.

[2] *Về việc xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện:*

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Hồ sơ vụ án thể hiện, Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc giao đất cho UBND xã quản lý, có kế hoạch sử dụng (trong đó có thửa 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 470,9m²) được UBND tỉnh Bến Tre ban hành theo trình tự, thủ tục như sau:

Ngày 03/3/2020, UBND xã T có đơn xin giao đất gửi UBND tỉnh Bến Tre, cùng ngày UBND xã T có đơn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre đề nghị thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời thẩm định điều kiện giao đất. Sau đó, ngày 04/8/2020, UBND huyện B có Tờ trình đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre xem xét trình UBND tỉnh quyết định giao đất cho UBND xã T quản lý. Ngày 17/11/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre có Tờ trình số 3551/TTR-STNMT đề nghị UBND tỉnh Bến Tre xem xét phê duyệt quyết định giao cho UBND xã T tổng diện tích 13.330,8m² nêu trên. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định, Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc giao đất cho UBND xã quản lý, có kế hoạch sử dụng (trong đó có thửa 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 470,9m²) được UBND tỉnh Bến Tre ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 59 của Luật Đất đai và Điều 3 và Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường,

[2.2] Về nội dung căn cứ của quyết định hành chính bị khiếu kiện.

[2.2a] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Văn B cho rằng phần đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 470,9m² tọa lạc xã T là một phần nằm trong tổng diện tích 3.832m² có nguồn gốc của cha ông B là ông Lê Văn Hiến (chết năm 2015) và mẹ ông B là bà Đặng Thị Âu đã tự khai phá và sử dụng vào năm 1992. Đến năm 1995, cha mẹ ông B giao cho ông quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất này, ông B đã đăng ký bản đồ địa chính, quản lý và sử dụng cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ địa chính chính quy đo đạc năm 2006, tổng diện tích 3.832m² thuộc thửa 42, trên sổ Mục kê và Bản đồ ghi tên là Lê Văn B nhưng ông B không đăng ký việc sử dụng đất để được cập nhật vào sổ Địa chính. Năm 2010, UBND xã T rà soát đo đạc tách thửa 42 thành 03 thửa gồm:

- Thửa 202 (sau này tách thành thửa 202 và 236), diện tích 1973,5m², ông Lê Văn B đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 203 (sau này tách thành thửa 203 và 207), diện tích 1.079,4m² trong đó:

+ Thửa 203, diện tích 407,9m² UBND xã đăng ký và được UBND tỉnh giao đất để quản lý theo Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020.

+ Thửa 207, diện tích 608,5m² UBND xã cho ông Nguyễn Văn Tuấn cải tạo năm 2008 và xây dựng nhà ở năm 2009 do ông Tuấn không có đất ở trên địa bàn xã.

+ Thửa 42, diện tích 1.049,7m² do UBND xã xác định đây là rạch dùng làm đường thoát nước nên không xác lập cơ sở pháp lý, (BL 35, 36).

[2.2b] Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh của UBND xã T đối với ông Huỳnh Tấn Tho, ông Nguyễn Văn Thu về việc tranh chấp quyền sử dụng đất trước đây giữa ông B và ông Nguyễn Văn Tuấn (quản lý, sử dụng thửa đất số 207, liền kề thửa đất số 203 mà ông B yêu cầu cấp quyền sử dụng đất) đều xác nhận thửa đất số 203 và thửa đất số 207 do ông B và ông Tuấn sử dụng trước đây có nguồn gốc là do lòng sông Cầu đi ngang qua (BL 41-42).

Tại Biên bản xem xét thẩm định ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre cũng thể hiện, hiện nay trên phần đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20, xã T có hiện trạng là đất trống, trên đất không có công trình kiến trúc hay cây ăn trái hoa màu nào khác mà chỉ có cây đước. Phía ông B cho rằng những cây đước này do gia đình ông B trồng từ những năm 1992. Thế nhưng, theo Tờ trình số 967/TTr-TNMT ngày 24/01/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B về việc giải quyết đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn B có nội dung xác định: *Phần diện tích 470,9m² đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20 tại xã T, huyện B mà ông B yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là một đoạn rạch Cầu Ngang nối liền giữa Rạch Mương Đình và Rạch Giồng Cà. Sau đó, nhà nước san lấp một phần rạch làm đường di dân, con đường này cắt rạch cầu Ngang làm 02 phần nằm hai bên đường, phần giáp với rạch Giồng Cà được bồi lấp, ông Lê Văn B trồng đước trong diện tích đất 1.049,7m².*

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên [2.2a] đủ cơ sở xác định, phần diện tích 470,9m² đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20 tại xã T, huyện B mà ông B yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là một phần diện tích đất nằm trong diện tích đất 1.049,7m² có nguồn gốc là một đoạn rạch Cầu Ngang nối liền giữa Rạch Mương Đình và Rạch Giồng Cà, do UBND xã T xác định đây là rạch dùng làm đường thoát nước chung trong khu vực của xã.

[2.2c] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, rạch vốn là một nhánh nhỏ của sông và đất sông, ngòi, kênh, rạch được quy định chung là nhóm đất phi nông

nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2013 và theo quy định tại Điều 163 của Luật Đất đai năm 2013 thì đất sông, ngòi, kênh, rạch do nhà nước quản lý, là đúng quy định pháp luật. Do UBND xã T có nhu cầu sử dụng và để xác lập việc quản lý theo quy định pháp luật, UBND xã T, UBND huyện B, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre có văn bản đề nghị được giao quản lý phần đất trên nên UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 3085/QĐ-UBND về việc giao đất cho UBND xã T quản lý (trong đó có thửa 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 470,9m²) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận khởi kiện của ông Lê Văn B yêu cầu hủy Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho UBND xã T quản lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định, là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ vụ án, có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Người khởi kiện ông Lê Văn B kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Lê Văn B được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm do là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm: 66/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 59 và khoản 2 Điều 141 của Luật Đất đai 2013; Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị quyết số: 326/2016/UNTUVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B về việc hủy Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý, có kế hoạch sử dụng theo quy định.

1.2. Về chi phí tố tụng, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lê Văn B phải chịu, đã nộp xong.

1.3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Văn B được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

2- Ông Lê Văn B được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 3 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu VT(6) HS (1) PTHH

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh